

Tăng tỷ trọng

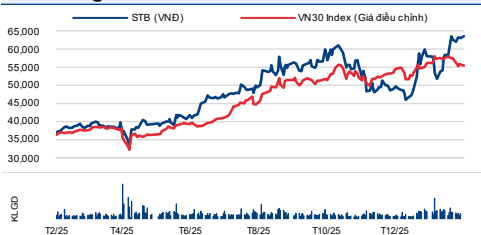
Giá mục tiêu: VNĐ58,400

Tiềm năng tăng/giảm: -8.0%

Giá cổ phiếu (đồng) (2/2/2026)	63,500
Mã Bloomberg	STB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	33,100-63,500
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	63,100
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	119,711
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	4,600
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,885
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	566
Slg CP NN được mua (tr.đv)	128
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	23.2%
Tỷ lệ freefloat	41.9%
Cổ đông lớn	Quỹ đầu tư PYN (5.38%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	748	848	969
Dư nợ cho vay (ntđ)	539	626	726
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	28.7	32.5	37.5
Lợi nhuận thuần (ntđ)	10.1	11.6	14.5
BVPS (đồng)	29,160	34,789	41,242
EPS (đồng)	5,351	6,159	7,682
DPS (đồng)	-	-	-
T.trưởng cho vay KH (%)	11.7	16.0	16.0
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	9.57	13.4	15.3
Tăng trưởng EPS (%)	30.7	15.1	24.7
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-
ROAE (%)	20.0	19.3	20.2
ROAA (%)	1.42	1.45	1.59
Tỷ lệ NIM (%)	3.65	3.60	3.56
Tỷ lệ CIR (%)	48.8	46.3	44.1
Hệ số CAR (%)	10.1	10.2	10.4
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.40	2.40	2.10
LLR/nợ xấu (%)	68.4	79.1	82.4
Hệ số LDR (%)	95.1	96.4	97.2
P/B (lần)	2.18	1.83	1.54
P/E (lần)	11.9	10.3	8.27
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

STB là một trong những ngân hàng tư nhân có tổng tài sản lớn nhất. Ngân hàng tập trung vào cho vay mua nhà, ô tô, kinh doanh hộ gia đình và các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chuyên viên phân tích

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Q4/2025: Chi phí dự phòng lớn, nợ xấu tăng cao và lỗ trước thuế

- STB đã công bố lỗ trước thuế Q4/2025 ở mức 3,4 nghìn tỷ đồng (so với LNTT đạt 4,6 nghìn tỷ đồng trong Q4/2024) do chi phí dự phòng tăng lên 9,2 nghìn tỷ đồng – mặc dù tổng thu nhập hoạt động tăng 4%.
- LNTT cả năm 2025 đạt 7,6 nghìn tỷ đồng, giảm 40% và chỉ hoàn thành 53% dự báo cả năm của chúng tôi.
- Tin dụng tăng 16,1% trong Q4/2025 trong khi tỷ lệ NIM năm 2025 giảm xuống 3,38%. Chất lượng tài sản suy yếu đáng kể với tỷ lệ nợ xấu tăng lên 6,41%.
- STB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,5 lần, cao hơn so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,28 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2025 vào ngày 30/1/2026

Sacombank đã công bố BCTC Q4/2025 với khoản lỗ trước thuế 3,4 nghìn tỷ đồng (so với LNTT đạt 4,6 nghìn tỷ đồng trong Q4/2024), chủ yếu do chi phí dự phòng trong quý tăng mạnh (9,2 nghìn tỷ đồng so với hoàn nhập nhẹ trong Q4/2024), mặc dù tổng thu nhập hoạt động tăng 4% so với cùng kỳ. Chi phí hoạt động cũng giảm đáng kể 42% so với cùng kỳ trong Q4/2025.

Cho năm 2025, LNTT đạt 7,6 nghìn tỷ đồng, giảm 40% so với cùng kỳ và chỉ hoàn thành 53% kế hoạch năm 2025 của chúng tôi. Trong khi đó, tổng thu nhập hoạt động tăng trưởng 12% và hoàn thành 99% dự báo của chúng tôi - cho thấy kết quả không đạt kỳ vọng chủ yếu do chi phí dự phòng thay vì doanh thu.

Chất lượng tài sản suy yếu đáng kể

Chất lượng tài sản cốt lõi suy yếu đáng kể trong Q4/2025 với tỷ lệ nợ xấu tăng mạnh lên 6,41% từ 2,75% tại thời điểm cuối Q3/2025, trong khi tỷ lệ nợ nhóm 2 giảm xuống 0,74% từ 1,64%. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR giảm xuống 50% từ 93%. Tổng nợ xấu mới hình thành ở mức 28,2 nghìn tỷ đồng (tương đương 4,5% tổng dư nợ cho vay) trong Q4/2025, trong đó 4,7 nghìn tỷ đồng đã được xử lý. Chúng tôi cho rằng nợ xấu tăng mạnh do 3 nguyên nhân như sau:

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/2.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q4/2025, STB

LNTT năm 2025 của STB chỉ hoàn thành 53% dự báo cả năm của chúng tôi – thấp hơn đáng kể so với kỳ vọng

Tỷ đồng	Q4/24	Q4/25	So với cùng kỳ	2024	2025	Tăng trưởng	% 2025 HSCF
Thu nhập lãi thuần	6,099	5,358	-12%	24,532	26,681	9%	96%
Thu nhập ngoài lãi	1,311	2,336	78%	4,145	5,376	30%	117%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	964	758	-21%	2,978	3,079	3%	94%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	275	295	7%	1,106	1,022	-8%	92%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	10	(12)	-215%	56	(9)	-116%	-14%
Thu nhập khác	61	1,288	+20.1 lần	1	1,264	+1,170 lần	+10.5 lần
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	1	7	681%	5	20	336%	101%
Tổng thu nhập HĐ	7,410	7,694	4%	28,677	32,057	12%	99%
Chi phí HĐ	(3,151)	(1,822)	-42%	(13,982)	(13,045)	-7%	87%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	4,259	5,872	38%	14,695	19,012	29%	109%
Chi phí dự phòng	367	(9,232)	-26.1 lần	(1,974)	(11,384)	477%	387%
LNTT	4,626	(3,360)	-173%	12,720	7,628	-40%	53%
Lợi nhuận thuần	3,598	(2,752)	-176%	10,088	5,939	-41%	51%

Nguồn: STB, HSC

- Các khoản nợ của Bamboo Airways (BAV; Chưa niêm yết) hạ nhóm xuống nợ xấu với tổng dư nợ hơn 3 nghìn tỷ đồng;
- Các khoản vay bán lẻ liên quan đến BAV; và
- Các khoản nợ có vấn đề mà BLĐ quyết định đẩy mạnh xử lý.

Đối với tài sản tồn đọng, số dư ròng VAMC gần như đi ngang so với đầu năm ở mức 1,6 nghìn tỷ đồng (tương đương 0,17% tổng tài sản). Yếu tố quan trọng để xử lý số dư VAMC còn lại là thương vụ đấu giá 32,5% cổ phần của ông Trầm Bê, chúng tôi hiện kỳ vọng BLĐ sẽ đề xuất tại ĐHCĐ sắp tới.

Chi phí dự phòng tăng mạnh do chiến lược trích lập mạnh mẽ; tuy nhiên quá trình xử lý nhiều khả năng vẫn chưa hoàn tất

Chi phí dự phòng tăng mạnh 4,8 lần so với cùng kỳ lên 11,4 nghìn tỷ đồng trong Q4/2025, nâng chi phí tín dụng cả năm 2025 lên khoảng 1,95%, cao hơn 3,9 lần so với dự báo của chúng tôi (0,51%) – phù hợp với chiến lược xử lý mạnh mẽ để xây dựng lại chất lượng tài sản. Tuy nhiên, ngay cả khi đẩy mạnh trích lập dự phòng trong Q4, chúng tôi cho rằng quá trình xử lý vẫn chưa hoàn tất do tỷ lệ nợ xấu vẫn ở mức cao. Do chất lượng tài sản vẫn đang chịu áp lực, chúng tôi dự báo hạn mức tăng trưởng tín dụng của STB trong năm 2026 sẽ thấp và có thể hạn chế tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận cốt lõi. Triển vọng tăng trưởng lợi nhuận hiện sẽ phụ thuộc vào các khoản vay rủi ro cao hơn hoặc các khoản mục không thường xuyên (ví dụ: hoàn nhập dự phòng/thanh lý tài sản đảm bảo) nhưng điều này cũng sẽ làm suy yếu chất lượng lợi nhuận.

Tín dụng tăng trưởng đúng kế hoạch

Tín dụng Q4/2025 tăng 16,1% so với cùng kỳ (tăng 3,7% so với quý trước) lên 626 nghìn tỷ đồng, nhờ tất cả các phân khúc, bao gồm bán lẻ, DNNVV và doanh nghiệp lớn. Tăng trưởng cả năm 2025 đã tận dụng tối đa hạn mức tín dụng được cấp cho STB.

Tiền gửi đạt 618 nghìn tỷ đồng (tăng 9,1% so với cùng kỳ nhưng giảm 4% so với quý trước). Trong khi đó, vay liên ngân hàng và giấy tờ có giá tăng lần lượt 120% và 6% so với cùng kỳ lên lần lượt 156 nghìn tỷ đồng và 39 nghìn tỷ đồng. Vị thế cho vay liên ngân hàng ròng của STB thu hẹp xuống 16 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối Q4/2025 từ 35 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối Q3/2025. Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn nhìn chung ổn định ở mức 15,3% (so với 15,7% trong Q3/2025). Hệ số LDR điều chỉnh tăng lên 95% từ 89% trong Q3/2025 nhưng vẫn tương đối an toàn so với bình quân ngành ở mức khoảng 100%.

Tỷ lệ NIM thu hẹp đáng kể

Tỷ lệ NIM giảm 142 điểm cơ bản so với quý trước và giảm 97 điểm cơ bản so với cùng kỳ xuống 2,49% trong Q4/2025 do lãi suất cho vay giảm 142 điểm cơ bản so với quý trước xuống 6,51%, trong khi chi phí huy động đi ngang so với quý trước ở mức 4,34%. Tính chung cả năm 2025, tỷ lệ NIM đạt 3,38%, giảm 26 điểm cơ bản so với cùng kỳ, nhưng sát với kế hoạch của BLĐ trong cuộc họp báo KQKD Q3/2025. Chúng tôi cho rằng tỷ lệ NIM thu hẹp đáng kể trong Q4/2025 do việc tạm ngừng ghi nhận lãi dự thu đối với các khoản nợ xấu mới hình thành trong Q4/2025 (khoảng 24 nghìn tỷ đồng) và làm giảm thu nhập lãi.

Bước sang năm 2026, tỷ lệ NIM có triển vọng phục hồi từ mức nền thấp năm 2025 nhưng mức độ phục hồi sẽ phụ thuộc vào chiến lược tăng trưởng sau tái cấu trúc và khả năng chấp nhận rủi ro của Ngân hàng dưới sự lãnh đạo của đội ngũ mới. Chi phí huy động gia tăng cũng có thể hạn chế tỷ lệ NIM mở rộng.

Thu nhập ngoài lãi tăng mạnh nhờ thu nhập khác

Thu nhập ngoài lãi tăng 78% so với cùng kỳ trong Q4/2025 đạt 2.336 tỷ đồng chủ yếu nhờ thu nhập khác (chủ yếu bao gồm thu nhập từ thu hồi nợ xấu) đạt 1.288 tỷ đồng, so với chỉ 61 tỷ đồng trong Q4/2024. Trong khi đó, lãi thuần HĐ dịch vụ giảm 21% so với cùng kỳ xuống 758 tỷ đồng và lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối tăng 7% so với cùng kỳ lên 295 tỷ đồng.

Chi phí hoạt động giảm mạnh

Chi phí hoạt động giảm 42% so với cùng kỳ xuống 1.822 tỷ đồng trong Q4/2025. Chi phí nhân viên giảm 68% so với cùng kỳ xuống 493 tỷ đồng, trong khi chi phí liên quan đến tài sản giảm 25% so với cùng kỳ xuống 550 tỷ đồng. Chúng tôi tin rằng chi phí được cắt giảm vào cuối Q4/2025, phù hợp với việc số lượng nhân viên vẫn tăng nhẹ 0,5% so với cùng kỳ lên 16.816 người. Nhờ cắt giảm chi phí hoạt động, hệ số CIR hàng quý đã cải thiện đáng kể, giảm xuống 23,7% từ 46,5% trong Q3/2025, và hệ số CIR cả năm 2025 giảm xuống 40,8% từ 48,8% trong năm 2024.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Mặc dù KQKD kém tích cực, giá cổ phiếu đã tăng 19% kể từ khi công bố KQKD vào ngày 7/1/2026, cho thấy thị trường đang nhìn xa hơn khỏi việc lợi nhuận giảm mạnh trong Q4/2025 và kỳ vọng vào triển vọng lợi nhuận năm 2026 một cách lạc quan hơn, cùng với tiềm năng từ thương vụ đầu giá cổ phần trong năm 2026. STB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,5 lần, cao hơn so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,28 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	55.9	50.0	59.0	69.9	81.4
Chi phí lãi	(33.9)	(25.5)	(31.1)	(38.1)	(44.3)
Thu nhập lãi thuần	22.1	24.5	27.9	31.8	37.1
Lãi thuần HĐ dịch vụ	2.62	2.98	3.29	3.99	4.97
Lãi thuần HĐ KDNH	1.10	1.11	1.11	1.22	1.34
Lãi/lỗ từ mua bán CK	0.03	0.06	0.06	0.07	0.07
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.02	0.00	0.02	0.02	0.02
Thu nhập khác	0.33	0.00	0.12	0.40	0.59
Tổng thu nhập HĐ	26.2	28.7	32.5	37.5	44.1
Chi phí HĐ	(12.9)	(14.0)	(15.1)	(16.5)	(18.2)
LN trước dự phòng	13.3	14.7	17.5	20.9	26.0
Chi phí dự phòng	(3.69)	(1.97)	(2.94)	(2.85)	(3.16)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	9.60	12.7	14.5	18.1	22.8
Chi phí thuế TNDN	(1.88)	(2.63)	(2.90)	(3.62)	(4.56)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	7.72	10.1	11.6	14.5	18.2
EPS (đồng)	4,094	5,351	6,159	7,682	9,671
DPS (đồng)	-	-	-	-	-
Slg CP bình quân (triệu đv)	1,885	1,885	1,885	1,885	1,885
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	1,885	1,885	1,885	1,885	1,885
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,885	1,885	1,885	1,885	1,885

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	7.55	8.21	11.7	8.96	6.87
Tiền gửi tại NHNN	12.8	17.6	14.6	11.2	12.2
Tiền gửi tại các TCTD khác	50.3	88.2	95.3	103	111
Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	475	530	614	713	821
Tổng dư nợ cho vay	483	539	626	726	835
Dự phòng rủi ro	(7.56)	(8.87)	(11.9)	(12.6)	(13.5)
Chứng khoán đầu tư	74.6	85.6	93.6	112	129
CK đầu tư sẵn sàng để bán	22.6	23.6	28.3	33.9	39.0
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	66.7	75.4	80.4	93.5	105
Dự phòng rủi ro	(14.6)	(13.3)	(15.1)	(15.1)	(15.1)
Đầu tư dài hạn	0.08	0.08	0.08	0.08	0.08
Tài sản cố định	7.27	7.36	7.58	7.80	8.04
Tài sản khác	46.5	10.5	11.4	12.2	13.0
Tổng tài sản	674	748	848	969	1,102
Nợ phải trả	629	693	782	891	1,008
Tiền gửi của NHNN	0.02	0.05	0.06	0.06	0.06
Tiền gửi của các TCTD khác	38.0	70.7	77.7	88.6	94.8
Tổng tiền gửi KH	511	567	649	746	858
Trái phiếu và CCTG	29.0	36.8	38.6	40.5	40.5
Nợ khác	50.5	18.3	16.4	14.8	14.1
Vốn chủ sở hữu	45.7	55.0	65.6	77.8	93.2
Vốn điều lệ	18.9	18.9	18.9	18.9	18.9
Thặng dư vốn cổ phần	1.75	1.75	1.75	1.75	1.75
Lợi nhuận giữ lại	20.4	28.4	37.0	47.0	59.8
Quỹ & vốn khác của CSH	4.75	5.94	7.95	10.1	12.9
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	674	748	848	969	1,102
BVPS (đồng)	24,259	29,160	34,789	41,242	49,462

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	13.9	10.9	13.4	14.2	13.7
Tăng trưởng cho vay KH (%)	10.1	11.7	16.0	16.0	15.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	12.3	11.0	14.5	15.0	15.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	12.3	11.8	13.9	14.4	14.2
Tăng trưởng VCSH (%)	18.4	20.2	19.3	18.5	19.9
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	28.7	11.1	13.9	13.9	16.8
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	17.6	8.48	7.78	9.82	9.82
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	(12.5)	10.6	18.8	20.0	23.9
Tăng trưởng LNTT (%)	51.4	32.6	14.1	24.7	25.9
Tăng trưởng LN thuần (%)	53.1	30.7	15.1	24.7	25.9
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.13	4.03	4.08	4.13	4.26
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(2.04)	(1.97)	(1.89)	(1.82)	(1.76)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	92.4	94.4	97.1	98.3	98.8
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.35	1.41	1.52	1.67	1.88
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	14.0	18.2	21.0	26.2	33.0
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	15.5	11.9	10.3	8.27	6.57
P/B (lần)	2.62	2.18	1.83	1.54	1.28
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-	-	-
Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác					
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	29.5	35.2	35.7	38.6	41.3
ROAA (%)	1.22	1.42	1.45	1.59	1.76
ROAE (%)	18.3	20.0	19.3	20.2	21.3
Chi phí huy động BQ (%)	6.17	4.07	4.32	4.64	4.74
Lợi suất góp BQ (%)	9.56	7.44	7.62	7.83	7.96
Lợi suất thuần (%)	3.39	3.38	3.30	3.19	3.22
Tỷ lệ NIM (%)	3.77	3.65	3.60	3.56	3.63
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	10.0	10.4	10.1	10.6	11.3
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	84.3	85.5	85.9	84.8	84.2
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	5.67	4.07	4.02	4.54	4.57
Tỷ lệ CIR (%)	49.2	48.8	46.3	44.1	41.2
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-	-	-
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	9.11	10.1	10.2	10.4	10.8
VCSH/Tổng TS (%)	6.78	7.35	7.73	8.03	8.46
Đòn bẩy vốn (lần)	14.7	13.6	12.9	12.5	11.8
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.28	2.40	2.40	2.10	1.90
Hệ số LLR (%)	68.8	68.4	79.1	82.4	85.0
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	94.5	95.1	96.4	97.2	97.2
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	6.57	10.5	10.2	10.1	9.54
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	71.6	72.1	73.8	74.9	75.8
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	553	553	553	553	553
Số lượng nhân viên	19,358	20,326	21,342	22,409	23,530

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn